

Số: 67/2024/QĐST-DS

C, ngày 12 tháng 8 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 02 tháng 8 năm 2024;

Về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 270/2023/TLST - DS, ngày: 18/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

*Nguyên đơn:*

1/ Bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1959. Cư trú: Số C ấp C, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1973. Cư trú: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

3/ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1968. (Chồng bà Nguyễn Thị Bích L, đã chết);

4/ Ông Nguyễn Hoàng D, sinh năm: 1986 (Con bà Nguyễn Thị Bích L, đã chết);

Cùng cư trú: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Long An.

5/ Ông Nguyễn Hoàng Q, sinh năm: 1984; (Con bà Nguyễn Thị Bích L, đã chết); cư trú: Tô 3A, ấp N, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

6/ Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm: 1989; (Con bà Nguyễn Thị Bích L, đã chết), cư trú: Số B đường T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị đơn:*

1/ Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1961, cư trú: Số B, ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

2/ Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm: 1969, cư trú: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Đoàn Trang Hiền D1, sinh năm: 1981, cư trú: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1. Bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị N1 và người thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị Bích L: Ông Nguyễn Văn

T, ông Nguyễn Hoàng D, bà Nguyễn Thị Kim N, ông Nguyễn Hoàng Q thống nhất:

- Xác định bà Nguyễn Thị V, sinh năm: 1941, chết năm 2021 và ông Nguyễn Văn R, sinh năm: 1929, chết năm 1968. Bà V, ông R có tất cả có các con chung là bà Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị Bích L, Nguyễn Thị N1. Bà V có con riêng là bà Nguyễn Thị S. Bà V và ông R chết không để lại di chúc. Bà Nguyễn Thị Bích L chết năm 2021, có những người thừa kế theo pháp luật gồm ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Hoàng D, bà Nguyễn Thị Kim N, ông Nguyễn Hoàng Q.

- Năm 1997, bà Nguyễn Thị V được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ba thửa đất trên theo Giấy chứng nhận số K 402442 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 12/4/1997.

- Xác định phần diện tích 1657m<sup>2</sup> tại khu A, A1, A2, A3, A4, A5, A6, A7 thuộc một phần thửa đất số 2340, tờ bản đồ số 4, tỷ lệ 1/5000 (trương ứng với thửa số 364, tờ bản đồ số 19, tỷ lệ 1/2000), loại đất ONT, và phần diện tích 3271 m<sup>2</sup> tại khu B, B1, B2 thuộc một thửa đất số 1878, tờ bản đồ số 4, tỷ lệ 1/5000 (trương ứng với thửa số 405, tờ bản đồ số 19, tỷ lệ 1/2000), loại đất LUC, đất tại xã L, huyện C, tỉnh Long An là di sản của bà Nguyễn Thị V.

Vị trí, tứ cận phần đất Khu A, A1, A2, A3, A4, A5, A6, A7 và Khu B, B1, B2 theo Mảnh trích đo địa chính số 207-2024 do Công ty TNHH Đ lập được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C duyệt ngày 13/6/2024 và M trích đo địa chính do Công ty TNHH Đ lập ngày 30/7/2024 đính kèm.

2.2. Bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị N1 và người thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị Bích L: Ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Hoàng D, bà Nguyễn Thị Kim N, ông Nguyễn Hoàng Q thống nhất bà Nguyễn Thị T1 là người quản lý di sản thờ cúng.

Di sản thờ cúng là phần diện tích 545m<sup>2</sup> thuộc một phần khu B thuộc thửa đất số 1878, tờ bản đồ số 4, tỷ lệ 1/5000 (trương ứng với thửa số 405, tờ bản đồ số 19, tỷ lệ 1/2000), loại đất LUC, đất tại xã L, huyện C, tỉnh Long An.

2.3. Bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị N1 và người thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị Bích L: Ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Hoàng D, bà Nguyễn Thị Kim N, ông Nguyễn Hoàng Q thống nhất:

Bà Nguyễn Thị T1 và bà Nguyễn Thị N1 được chia phần diện tích 540m<sup>2</sup> tại khu A thuộc một phần thửa đất số 2340, tờ bản đồ số 4, tỷ lệ 1/5000 (trương ứng với thửa số 364, tờ bản đồ số 19, tỷ lệ 1/2000), loại đất ONT, đất tại xã L, huyện C, tỉnh Long An; bà T1, bà N1 tiếp tục quản lý sử dụng nhà cửa, công trình kiến trúc và cây cối trên đất theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc và Chứng thư thẩm định giá tài sản do Công ty cổ phần T2 số 287/28/06/2024/TĐG-LA-BDS lập ngày 28/6/2024.

Bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị N1 và người thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị Bích L: Ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Hoàng D, bà Nguyễn Thị Kim N, ông Nguyễn Hoàng Q được chia phần diện tích 426m<sup>2</sup> tại khu A6 thuộc một phần thửa đất số 2340, tờ bản đồ số 4,

tỷ lệ 1/5000 (tương ứng với thửa số 364, tờ bản đồ số 19, tỷ lệ 1/2000), loại đất ONT, đất tại xã L, huyện C, tỉnh Long An trên đất có khu mã theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc và Chứng thư thẩm định giá tài sản do Công ty cổ phần T2 số 287/28/06/2024/TĐG-LA-BĐS lập ngày 28/6/2024.

Bà Nguyễn Thị T1 được chia phần diện tích 125m<sup>2</sup> tại khu A1 thuộc một phần thửa đất số 2340, tờ bản đồ số 4, tỷ lệ 1/5000 (tương ứng với thửa số 364, tờ bản đồ số 19, tỷ lệ 1/2000), loại đất ONT đất tại xã L, huyện C, tỉnh Long An; bà T1 tiếp tục quản lý sử dụng tài sản trên đất theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc và Chứng thư thẩm định giá tài sản do Công ty cổ phần T2 số 287/28/06/2024/TĐG-LA-BĐS lập ngày 28/6/2024.

Bà Nguyễn Thị N1 được chia phần diện tích 125m<sup>2</sup> tại khu A2 thuộc một phần thửa đất số 2340, tờ bản đồ số 4, tỷ lệ 1/5000 (tương ứng với thửa số 364, tờ bản đồ số 19, tỷ lệ 1/2000), loại đất ONT đất tại xã L, huyện C, tỉnh Long An; bà N1 tiếp tục quản lý sử dụng tài sản trên đất theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc và Chứng thư thẩm định giá tài sản do Công ty cổ phần T2 số 287/28/06/2024/TĐG-LA-BĐS lập ngày 28/6/2024.

Bà Nguyễn Thị B được chia phần diện tích 125m<sup>2</sup> tại khu A3 thuộc một phần thửa đất số 2340, tờ bản đồ số 4, tỷ lệ 1/5000 (tương ứng với thửa số 364, tờ bản đồ số 19, tỷ lệ 1/2000), loại đất ONT đất tại xã L, huyện C, tỉnh Long An; bà B tiếp tục quản lý sử dụng tài sản trên đất theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc và Chứng thư thẩm định giá tài sản do Công ty cổ phần T2 số 287/28/06/2024/TĐG-LA-BĐS lập ngày 28/6/2024.

Bà Nguyễn Thị S được chia phần diện tích 125m<sup>2</sup> tại khu A4 thuộc một phần thửa đất số 2340, tờ bản đồ số 4, tỷ lệ 1/5000 (tương ứng với thửa số 364, tờ bản đồ số 19, tỷ lệ 1/2000), loại đất ONT đất tại xã L, huyện C, tỉnh Long An; bà S tiếp tục quản lý sử dụng tài sản trên đất theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc và Chứng thư thẩm định giá tài sản do Công ty cổ phần T2 số 287/28/06/2024/TĐG-LA-BĐS lập ngày 28/6/2024.

Người thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị Bích L: Ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Hoàng D, bà Nguyễn Thị Kim N, ông Nguyễn Hoàng Q được chia phần diện tích 125m<sup>2</sup> tại khu A5 thuộc một phần thửa đất số 2340, tờ bản đồ số 4, tỷ lệ 1/5000 (tương ứng với thửa số 364, tờ bản đồ số 19, tỷ lệ 1/2000), loại đất ONT đất tại xã L, huyện C, tỉnh Long An; Người thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị Bích Liên tiếp tục quản lý sử dụng tài sản theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc và Chứng thư thẩm định giá tài sản do Công ty cổ phần T2 số 287/28/06/2024/TĐG-LA-BĐS lập ngày 28/6/2024.

Bà Nguyễn Thị T1 được chia phần diện tích 1090m<sup>2</sup> tại khu B thuộc một phần thửa đất số 1878, tờ bản đồ số 4, tỷ lệ 1/5000 (tương ứng với thửa số 405, tờ bản đồ số 19, tỷ lệ 1/2000), loại đất LUC, đất tại xã L, huyện C, tỉnh Long An,

trong đó có phần diện tích 545m<sup>2</sup> thuộc một phần khu B là di sản thờ cúng; bà T1 tiếp tục quản lý sử dụng tài sản trên đất theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc và Chứng thư thẩm định giá tài sản do Công ty cổ phần T2 số 287/28/06/2024/TĐG-LA-BDS lập ngày 28/6/2024.

Bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị S được chia phần diện tích 1091m<sup>2</sup> tại khu B2 thuộc một phần thửa đất số 1878, tờ bản đồ số 4, tỷ lệ 1/5000 (trương ứng với thửa số 405, tờ bản đồ số 19, tỷ lệ 1/2000), loại đất LUC, đất tại xã L, huyện C, tỉnh Long An, bà B, bà S tiếp tục quản lý sử dụng tài sản cỗi trên đất theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc và Chứng thư thẩm định giá tài sản do Công ty cổ phần T2 số 287/28/06/2024/TĐG-LA-BDS lập ngày 28/6/2024.

Bà Nguyễn Thị N1; người thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị Bích L: Ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Hoàng D, bà Nguyễn Thị Kim N, ông Nguyễn Hoàng Q được chia phần diện tích 1090m<sup>2</sup> tại khu B1 thuộc một phần thửa đất số 1878, tờ bản đồ số 4, tỷ lệ 1/5000 (trương ứng với thửa số 405, tờ bản đồ số 19, tỷ lệ 1/2000), loại đất LUC, đất tại xã L, huyện C, tỉnh Long An; bà N1, người thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị Bích Liên tiếp t quản lý sử dụng tài sản trên đất theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc và Chứng thư thẩm định giá tài sản do Công ty cổ phần T2 số 287/28/06/2024/TĐG-LA-BDS lập ngày 28/6/2024.

Vị trí, tứ cận phần đất khu A, A1, A2, A3, A4, A5, A6, A7 và Khu B, B1, B2 theo Mảnh trích đo địa chính số 207-2024 do Công ty TNHH Đ lập được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C duyệt ngày 13/6/2024 và M trích đo địa chính do Công ty TNHH Đ lập ngày 30/7/2024 đính kèm.

2.4. Các đương sự được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục kê khai đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để giải quyết cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

2.5. Bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị N1 và người thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị Bích L: Ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Hoàng D, bà Nguyễn Thị Kim N, ông Nguyễn Hoàng Q thống nhất mở lối đi có diện tích là 66m<sup>2</sup> tại khu A7 thuộc một phần thửa đất số 2340, tờ bản đồ số 4, tỷ lệ 1/5000 (trương ứng với thửa số 364, tờ bản đồ số 19, tỷ lệ 1/2000), loại đất ONT đất tại xã L, huyện C, tỉnh Long An; do bà Nguyễn Thị V đứng tên Giấy chứng nhận số K 402442 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 12/4/1997. Các đương sự thống nhất không đền bù giá trị đất thực tế cho việc mở lối đi.

Vị trí, tứ cận phần đất khu A7 theo theo Mảnh trích đo địa chính số 207-2024 do Công ty TNHH Đ lập được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C duyệt ngày 13/6/2024 và M trích đo địa chính do Công ty TNHH Đ lập ngày 30/7/2024 đính kèm.

Bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị N1 và người thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị Bích L: Ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Hoàng D, bà Nguyễn Thị Kim N, ông Nguyễn Hoàng Q có quyền yêu cầu đăng ký biến động hạn chế quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị V tại khu A7 (66m<sup>2</sup>) theo quy định tại Điều 171 và Điều 95 của Luật Đất Đai.

2.6. Bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị N1 và người thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị Bích L: Ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Hoàng D, bà Nguyễn Thị Kim N, ông Nguyễn Hoàng Q; thống nhất sẽ trả chi phí san nền cho ông Đoàn Trang Hiền D1 đối với phần san nền trên diện tích đất lúa thuộc thửa đất số 1878, tờ bản đồ số 4, tỷ lệ 1/5000 (tương ứng với thửa số 405, tờ bản đồ số 19, tỷ lệ 1/2000), loại đất LUC, đất tại xã L, huyện C, tỉnh Long An; cụ thể ai hưởng phần đất lúa nào sẽ trả cho ông D1 phần san lấp đối với vị trí đất đó. Các đương sự không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

2.8. Chi phí đo đạc, định giá tài sản, xem xét thẩm định tại chỗ là 45.000.000 đồng. Bà Ba, bà T1, bà N1, bà S, người thừa kế theo pháp luật của bà L, mỗi người chịu 9.000.000 đồng. Bà Ba, bà S, người thừa kế theo pháp luật của bà L nộp thay cho bà N1. Buộc bà T1 trả cho bà B, bà S, người thừa kế theo pháp luật của bà L là 9.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2.10. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị T1 thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Bà Nguyễn Thị N1 chịu án phí là 51.470.836 đồng.

Bà Nguyễn Thị S chịu án phí là 38.051.236 đồng. Tạm ứng án phí bà S đã nộp 21.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0012459 ngày 21/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An chuyển sang án phí. Bà S còn phải nộp tiền án phí sơ thẩm là 17.051.236 đồng.

Người thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị Bích L: Ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Hoàng D, bà Nguyễn Thị Kim N, ông Nguyễn Hoàng Q chịu án phí là 38.051.236 đồng. Tạm ứng án phí, ông T, ông D, bà N, ông Q đã nộp 21.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0012451 ngày 19/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An chuyển sang án phí. Người thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị Bích L: Ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Hoàng D, bà Nguyễn Thị Kim N, ông Nguyễn Hoàng Q còn phải nộp án phí sơ thẩm là 17.051.236 đồng.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- TAND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- CQTHADS huyện Cần Giuộc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Thanh Vân**